

PHÉP TRỪ CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 1 000

(3 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện phép tính trừ có nhớ trong phạm vi 1 000.
- Củng cố ý nghĩa của phép trừ, tên gọi các thành phần trong phép trừ, vận dụng vào giải quyết vấn đề dẫn đến phép trừ.

- Bước đầu biết nhận xét (kiểm tra) các bài toán và sửa lại (nếu bài toán sai).

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

HS: 2 thẻ trăm, 5 thẻ chục và 10 khối lập phương.

GV: 3 thẻ trăm, 11 thẻ chục và 14 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Trò chơi: AI NHANH HƠN?

GV viết một phép tính cộng lên bảng lớp. (Lưu ý: không nhớ hoặc có nhớ 1 lần.)

Dựa vào phép tính trên, HS viết một phép tính trừ vào bảng con.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Xây dựng biện pháp trừ có nhớ trong phạm vi 1 000

Có thể tiến hành theo hình thức tương tự bài Phép cộng có nhớ trong phạm vi 1 000.

– GV phổ biến nhiệm vụ:

- Áp dụng cách đặt tính đã học, thực hiện các phép tính $234 - 5$ và $417 - 163$.
- Giải thích “nhớ 1”, “trừ 1”.

– GV có thể vận dụng phương pháp các mảnh ghép, cho HS thảo luận nhóm đôi (mỗi nhóm thực hiện một phép tính, sau đó chia sẻ cùng nhau).

– HS trình bày trước lớp, các em có thể giải thích bằng các cách khác nhau:

- Dùng các thẻ trăm, thẻ chục và các khối lập phương để hỗ trợ.
- Có thể giải thích trên phép tính (dọc) đã thực hiện.

* GV giới thiệu biện pháp tính

Để thực hiện phép trừ $234 - 5$ ta có thể làm như sau:

- **Đặt tính:** viết số trừ dưới số bị trừ sao cho các số đơn vị thẳng cột với nhau, viết dấu trừ, kẻ vạch ngang.
- **Tính** từ phải sang trái.

$$\begin{array}{r} 234 \\ - \quad 5 \\ \hline 229 \end{array}$$

4 không trừ được 5, lấy 14 trừ 5 bằng 9, viết 9 **nhớ 1**.
3 **trừ 1** bằng 2, viết 2.
Hạ 2, viết 2.

Vậy $234 - 5 = 229$.

(Các thao tác trên, GV vừa nói vừa viết).

Cho vài HS **nêu** lại cách thực hiện phép trừ như trên.

– Kiểm tra

Cả lớp cùng **đếm** theo trăm, chục trên các khối lập phương và đếm tiếp các khối lập phương rời để khẳng định kết quả đúng.

Lưu ý: GV giải thích tại sao lại “bớt 1” ở số bị trừ trong bước tiếp theo sau khi “mượn” trong quá trình tính.

Với phép tính $417 - 163$ có thể thực hiện theo trình tự:

- HS đặt tính rồi tính.
- Dùng ĐDHT kiểm chứng kết quả.

Lưu ý: GV giải thích tại sao lại “thêm 1” vào số trừ ở bước tiếp theo sau khi “mượn” trong quá trình tính.

2. Thực hành

HS thực hành theo nhóm đôi.

Hoặc GV nêu lần lượt từng phép tính cho HS thực hiện trên bảng con.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– **Tìm hiểu** bài:

- **Quan sát** hình vẽ, em **nhận biết** điều gì? (có 4 con vật, trên mỗi con vật có gắn một phép tính trừ với các số đo khối lượng)
- Bài toán yêu cầu gì? (HS **đọc** yêu cầu của bài toán).

– HS thực hiện nhóm đôi: **Thảo luận** và **làm bài**.

HS có thể **thực hiện** như sau:

a) **Tìm hiểu**, nhận biết: kết quả phép tính gắn trên con vật chính là khối lượng của con vật đó.

Ví dụ: $630 \text{ kg} - 150 \text{ kg} = 480 \text{ kg}$; con bò sữa nặng 480 kg.

b) Con vật **nặng nhất** \longrightarrow **Số lớn nhất**

Con vật **nhẹ nhất** \longrightarrow **Số bé nhất**

– HS **trình bày**, GV khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

Mở rộng: Trên đây là khối lượng trung bình thường gặp của bò sữa, trâu, heo và bò vàng.

Bài 2:

– Nhóm đôi HS tìm **hiểu bài**, **nhận biết**:

- Yêu cầu của bài: **Số?**
- Tìm thế nào? Tổng 3 số cạnh nhau trong cùng hàng hay cùng cột đều bằng 500. (gộp 150 và 250 và 100 để được 500; gộp 200 và 150 và mấy để được 500).

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao điền như vậy.

GV lưu ý HS dựa vào cách gộp hoặc tách để kiểm tra kết quả.

Ví dụ: $500 - 150 - 250 = 100$
nên $150 + 250 + 100 = 500$.



Bài 3:

– GV cho HS **đọc** yêu cầu.

– HS **thảo luận** (nhóm bốn) tìm cách làm: bớt 15.

– HS **thực hiện** cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm bốn.

– Sửa bài: GV gọi HS đọc bài làm, GV khuyến khích HS **nói** cách làm.

Bài 4:

– HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: **giải bài toán**.

– HS **làm** bài cá nhân.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm: tại sao chọn phép tính đó?).

Bài 5:

- HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu “kiểm tra **đúng – sai, sửa**”.
- HS thảo luận nhóm đôi để tìm cách làm và **thực hiện** rồi nói kết quả.
- Khi sửa bài, HS **trình bày** (có **giải thích** bằng cách thao tác trên bảng lớp).

Ví dụ:

a)
$$\begin{array}{r} 471 \\ + 309 \\ \hline 770 \end{array}$$
 Sai: vì 1 cộng 9 bằng 10.
Viết 0 nhớ 1, nhưng bạn không nhớ 1 chục.

Sửa lại:
$$\begin{array}{r} 1 \\ 471 \\ + 309 \\ \hline 780 \end{array}$$

b) Đặt tính sai.

c) Phép trừ nhưng lại thực hiện phép tính cộng.

Vui học

- HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: **giải bài toán**.
- HS **làm** bài cá nhân.
- Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm: tại sao chọn phép tính đó?).

Thử thách

– HS (nhóm bốn) **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu: **Chữ số?**

Tìm thế nào? (vận dụng mối liên hệ cộng, trừ hoặc sơ đồ tách – gộp số để tìm **số** thích hợp thay cho dấu ?).

Ví dụ:

a) 6 cộng 1 bằng 7, viết 7.

0 không trừ được 5, mượn 1 chục, 10 trừ 5 bằng 5, viết 5.

Vậy 5 cộng 5 bằng 10, viết 0 nhớ 1.

4 thêm 1 bằng 5, 5 cộng 3 bằng 8, viết 8.

Kiểm tra:

– Cách 1: Đổi chỗ các số hạng ($351 + 456 = 807$).

– Cách 2: Chuyển thành phép tính trừ ($807 - 456 = 351$ hoặc $807 - 351 = 456$).

...

a)
$$\begin{array}{r} 4 \boxed{5} 6 \\ + \boxed{3} 5 1 \\ \hline 8 0 \boxed{7} \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 9 7 \boxed{0} \\ - \boxed{8} 3 2 \\ \hline 1 \boxed{3} 8 \end{array}$$